

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 14 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về chủ trương đầu tư Dự án “Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+tỉnh Ninh Thuận”

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về các chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 về cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 về cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018-2023;

Căn cứ Nghị quyết số 75/NQ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về Cơ chế tài chính đối với các dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của tỉnh Ninh Thuận theo Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các - bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1312/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Đề xuất Dự án “Giảm thiểu khí thải khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+ tỉnh Ninh Thuận”, vay vốn IFAD;

Căn cứ Quyết định số 5414/QĐ-BNN-TCLN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch hành động giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các bon rừng (REDD+) cấp tỉnh;

Xét Tờ trình số 211/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trương đầu tư Dự án Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+tỉnh Ninh Thuận; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+tỉnh Ninh Thuận”, với các nội dung sau:

1. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.
2. Nhà tài trợ, đồng tài trợ: Quỹ Quốc tế về phát triển nông nghiệp (IFAD) và Quỹ Khí hậu xanh (GCF) hoặc Nhà tài trợ khác.

3. Mục tiêu:

a) Mục tiêu tổng quát: Giảm thiểu khí thải do mất rừng và suy thoái rừng thông qua giải quyết các nhân tố trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp, khuyến khích đầu tư chiến lược, hiệu quả nhằm phục hồi và quản lý bền vững diện tích rừng; Trao quyền và cải thiện khả năng thích ứng của các cộng đồng và thể chế mục tiêu nhằm cải thiện sinh kế, giảm nghèo trong cộng đồng và ứng phó tốt hơn với biến đổi khí hậu.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Hỗ trợ chính quyền địa phương các cấp đưa ra các chính sách thể chế hóa các chiến lược cấp quốc gia và cụ thể hóa vào công tác lập và thực hiện kế hoạch giảm thiểu phát thải từ mất rừng, suy thoái rừng và nỗ lực khôi phục rừng nhằm tạo cơ hội cải thiện sinh kế và nâng cao nhận thức cộng đồng.

- Nghiên cứu chiến lược tác động và hỗ trợ đưa ra các chính sách nhằm giải quyết các khó khăn trong vấn đề sử dụng đất rừng để sản xuất.

- Hỗ trợ xây dựng và thúc đẩy chuỗi giá trị sản phẩm không gây mất rừng, nhằm đảm bảo thu nhập từ sản xuất nông nghiệp cho người dân vùng dự án, giảm áp lực mở rộng canh tác, nguyên nhân chính dẫn tới mất rừng và suy thoái rừng, đồng thời khuyến khích tái trồng rừng và nâng cao trữ lượng cac-bon.

- Đầu tư mới, cải tạo nâng cấp hạ tầng công phục vụ cho sản xuất, tăng cường khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu và các hoạt động bảo vệ rừng.

4. Kết quả chính dự kiến:

- Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh Ninh Thuận, tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2025 đạt 49% và giữ ổn định đến năm 2030 (tỷ lệ che phủ rừng toàn tỉnh năm 2022 là 47,11%).

- Ít nhất có 6.000 hộ nghèo, cận nghèo, hộ dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu gây ra trong vùng dự án tăng khả năng thích ứng 25%.

- Dự án sẽ tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu cho khoảng 12.500 hộ dân sống phụ thuộc vào nông nghiệp và rừng, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số và phụ nữ (khoảng 7.000 hộ gia đình) là những người thụ hưởng trực tiếp và mang lại lợi ích cho khoảng 30.300 hộ thụ hưởng gián tiếp, chủ yếu thông qua đầu tư cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, chia sẻ kiến thức, phát triển các chuỗi giá trị cũng như môi trường chính sách và thể chế.

- Tối thiểu 3.000 hộ hưởng lợi từ các nguồn lực dự án tăng thu nhập ít nhất 20% so với trước khi có dự án can thiệp vào cuối kì.

- Giá trị hàng hoá của các hộ tham gia chuỗi giá trị tăng 10% trở lên sau khi kết thúc dự án.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo trong vùng Dự án bình quân hằng năm từ 1,0 - 1,5%.

5. Quy mô: Dự án đề xuất có 03 hợp phần, như sau:

a) Hợp phần 1: Thúc đẩy chính sách và môi trường thể chế cho việc lập kế hoạch và thực hiện giảm khí thải; Hợp phần này bao gồm các kết quả như sau:

- Tiểu hợp phần 1.1: Cải thiện chính sách và cơ chế phối hợp cấp tỉnh để giảm mất rừng và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tiểu hợp phần 1.2: Cải thiện chính sách quốc gia và năng lực thực hiện, đầu tư vào REDD+.

b) Hợp phần 2: Phát triển kinh tế nông thôn không gây mất rừng và thích ứng với biến đổi khí hậu; Hợp phần này bao gồm các kết quả như sau:

- Tiểu hợp phần 2.1: Xây dựng và thúc đẩy chuỗi giá trị sản phẩm không gây mất rừng có tính đến yếu tố nhạy cảm về hàng hóa và dinh dưỡng thông qua việc cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng.

- Tiểu hợp phần 2.2: Thiết lập và vận hành cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu phục vụ cho chuỗi giá trị và các hoạt động bảo vệ rừng.

- Tiểu hợp phần 2.3. Tăng cường hợp tác quản lý rừng cùng với chia sẻ lợi ích hiệu quả.

c) Hợp phần 3: Quản lý dự án: Hợp phần này có 02 hoạt động như sau:

- Hoạt động 3.1. Quản lý thực hiện dự án.

- Hoạt động 3.2. Giám sát và đánh giá dự án.

6. Dự án nhóm: Nhóm B.

7. Địa điểm: Dự kiến triển khai trên địa bàn 23 xã thuộc 04 huyện Ninh Sơn, Bác Ái, Ninh Hải và Thuận Bắc có đông đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi và vùng dễ bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu để thực hiện “Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+ ở Việt Nam” của tỉnh Ninh Thuận.

8. Thời gian:

- Thời gian thực hiện dự án: 04 năm, kể từ ngày bố trí vốn thực hiện dự án.

- Tiến độ thực hiện dự án:

+ *Thời gian dự kiến chuẩn bị đầu tư: Từ năm 2023 đến năm 2024.*

+ *Thời gian dự kiến thực hiện dự án: Từ năm 2024 đến năm 2027.*

9. Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn:

Tổng mức đầu tư Dự án: 19,185 triệu USD, tương đương 441,256 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn vay ODA: 10 triệu USD, tương đương khoảng 230 tỷ đồng, chiếm 52,12% trên tổng mức đầu tư dự án.

- Vốn viện trợ không hoàn lại: 5,5 triệu USD, tương đương khoảng 126,5 tỷ đồng, chiếm 28,67% trên tổng mức đầu tư dự án.

- Vốn đối ứng của ngân sách Nhà nước: 3,685 triệu USD, tương đương 84,756 tỷ đồng, chiếm 19,21% trên tổng mức đầu tư dự án, trong đó:

+ *Chi đầu tư phát triển: 2,697 triệu USD, tương đương 62,040 tỷ đồng chiếm 73% trên tổng vốn đối ứng ngân sách Nhà nước.*

+ *Chi sự nghiệp: 0,988 triệu USD, tương đương 22,716 tỷ đồng chiếm 27% trên tổng vốn đối ứng ngân sách Nhà nước.*

(Tỷ giá quy đổi tạm tính 01 USD = 23.000 đồng)

10. Cơ chế tài chính trong nước:

- Đối với nguồn vốn vay ODA:

Căn cứ Nghị quyết số 75/NQ-CP ngày 03/6/2022 của Chính phủ về Cơ chế tài chính đối với các dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của tỉnh Ninh Thuận theo Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ, theo đó, Dự án được áp dụng tỷ lệ cho vay lại 10% tổng vốn vay nước ngoài.

- Đối với nguồn viện trợ không hoàn lại: Cấp phát toàn bộ từ ngân sách trung ương.

- Đối với nguồn vốn đối ứng: Từ ngân sách địa phương.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo chủ đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+tỉnh Ninh Thuận” trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa XI Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2023./.

CHỦ TỊCH**Phạm Văn Hậu**

VĂN PHÒNG UBND TỈNH NINH THUẬN XUẤT BẢN

Địa chỉ: số 450 đường Thống Nhất

Điện thoại: 0259.3822683 - Fax: 0259.3822866

Email: congbao@ninhthuan.gov.vn

Website: www.ninhthuan.gov.vn

In tại: Công ty cổ phần In Ninh Thuận